TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/DS-PT
Ngày 12-6-2023
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 105/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2022; Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa số: 25/TB-TA ngày 20 tháng 3 năm 2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 281/TB-TA ngày 06 tháng 4 năm 2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 432/TB-TA ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (có mặt);

2. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1974 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Tổ 09, ấp H, xã G, huyện M, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quốc N, Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật TNHH Một thành viên A, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái C, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp H, xã G, huyện M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 96, khóm 2, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 12/02/2022) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị U, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 39 Lý Tự Trọng, khóm 2, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1974; cùng nơi cư trú: Tổ 09, ấp H, xã G, huyện M, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2018) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thái C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim H (sau đây gọi tắt là ông T, bà H) trình bày:

Ngày 05/3/2017, ông T và bà H nhận chuyển nhượng diện tích 11.790m^2 đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại xã G, huyện M của bà Trần Thị U (sau đây gọi tắt là bà U), với số tiền 860.670.000đ (giá 73.000.000đ/1.000m^2 x 11.790m^2), có lập văn bản.

Khoảng tháng 8/2017, ông Nguyễn Thái C (sau đây gọi tắt là ông C) là người có quyền sử dụng đất liền ranh với phần đất của bà U, dùng xe Kobe lấy lớp mặt đất của bà U là 3.116m^3 đất (đã chuyển nhượng cho ông T, bà H); khi đó, ông T và bà H chưa thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nên bà U tranh chấp với ông C tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã G, huyện M, tỉnh An Giang; khi hòa giải tại UBND xã G, ông C thừa nhận có lấy lớp mặt đất của bà U (là đất đã chuyển nhượng cho ông T, bà H) và ông C đồng ý bồi thường.

Ngày 10/10/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSD đất) cho ông T và bà H. Bà U đã lập văn bản chuyển giao quyền đòi bồi thường lớp đất mặt cho ông T và bà H đối với ông C.

Nay ông T và bà H yêu cầu ông C phải bồi thường thiệt hại giá trị lớp đất mặt đã lấy là 560.700.000đ.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của ông C trình bày:

Ông C có quyền sử dụng đất liền kề với đất của bà U; hiện trạng đất của bà Út có ao; ông C thừa nhận có lấy lớp mặt đất của bà U khoảng 03m^3 đất; ông C không thừa nhận lời trình bày của ông T và bà H. Nay ông C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H.

Việc chuyển giao quyền giữa bà Út với ông T, bà H là trên 03 năm kể từ ngày lập hợp đồng chuyển nhượng đến ngày lập văn bản chuyển giao quyền. Do đó, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H; buộc ông C có trách nhiệm bồi thường cho ông T và bà H số tiền 560.700.000đ. Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả tiền, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/3/2022, ông C kháng cáo; yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H.

Tại phiên tòa:

- Ông T và bà H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông C. Ông T và bà H thống nhất Báo cáo kết quả giám định của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Giao thông An Giang (sau đây gọi tắt là Kết quả giám định của Công ty Xây dựng và Giao thông An Giang) với khối lượng 2.741,545m^3 (theo chỉ dẫn của ông T và bà H), thống nhất giá san lấp là 157.627đ/m^3. Nay ông T và bà H yêu cầu ông C bồi thường giá trị san lấp 2.741,545m^3 đất theo giá 157.627đ/m^3 với số tiền là 432.141.514đ.

- Người đại diện của ông C trình bày: Ông C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông C thống nhất Kết quả giám định của Công ty Xây dựng và Giao thông An Giang nhưng ông C không đồng ý bồi thường giá trị san lấp 2.741,545m^3 đất với số tiền 432.141.514đ cho ông T và bà H. Ông C thừa nhận có lấy lớp đất mặt thuộc quyền sử dụng đất của ông T và bà H với khối lượng khoảng 480m^3. Nay ông C đồng ý bồi thường cho ông T và bà H giá trị san lấp 480m^3 theo giá 157.627đ/m^3 với số tiền là 76.660.960đ.

- Luật sư Bùi Quốc N trình bày ý kiến tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C; sửa bản án dân sự sơ thẩm: Buộc ông C bồi thường cho ông T và bà H giá trị san lấp 2.741,545m^3 đất với số tiền là 432.141.514đ.

- Người đại diện của bị đơn trình bày ý kiến tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C; sửa bản án dân sự sơ thẩm: Buộc ông C bồi thường cho ông T và bà H giá trị san lấp 480m^3 theo giá 157.627đ/m^3 với số tiền là 76.660.960đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông C; sửa Bản án sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ

Mới, tỉnh An Giang: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H; buộc ông C phải bồi thường cho ông T và bà H số tiền 432.141.514đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Ông C kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất phần thiệt hại lớp đất mặt thuộc quyền sử dụng diện tích 11.790m^2 đất theo GCN QSD đất số vào sổ CS06939 ngày 10/10/2018 do nguyên đơn đứng tên; nguồn gốc đất: Do nguyên đơn nhận chuyển nhượng của bà U theo Biên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/3/2017; bà U đã lập văn bản chuyển giao quyền cho nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn có quyền khởi kiện bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 115, điểm c khoản 2 Điều 159, khoản 1 Điều 160, khoản 2 Điều 164, Điều 365 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất Kết quả giám định của Công ty Xây dựng và Giao thông An Giang; nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường lớp đất mặt 2.741,545m^3 theo giá 157.627đ/m^3 là 432.141.514đ; bị đơn (do người đại diện) đồng ý bồi thường cho nguyên đơn lớp đất mặt 480m^3 theo giá 157.627đ/m^3 là 76.660.960đ.

Như vậy, bị đơn đồng ý bồi thường cho nguyên đơn giá trị lớp đất mặt nhưng bị đơn không thống nhất về khối lượng như nguyên đơn yêu cầu.

[2.3] Theo Biên bản hòa giải do UBND xã G lập ngày 18/8/2017, bà U trình bày: *".....Sau khi đo đạc xác định lại ranh nếu ông C có múc đất qua đất bà U thì ông C phải hoàn trả lại hiện trạng lớp đất mặt"*; ông C trình bày: *"Thống nhất theo ý kiến bà U"*.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người đại diện của bị đơn đều thừa nhận có lấy lớp đất mặt tại phần đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn (do nhận chuyển nhượng của bà U).

Kết quả đo đạc và kết quả giám định đã ghi nhận thực tế quyền sử dụng đất của nguyên đơn là diện tích 11.790m^2 đất bị hao hụt lớp đất mặt là 2.741,545m^3.

Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn đã lấy lớp đất mặt là 2.741,545m^3 tại phần đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường giá trị lớp đất mặt theo kết quả giám định là 432.141.514đ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 170, Điều 267, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 432.141.514đ.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm là 2.196.800đ. Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 2.196.800đ (nguyên đơn đã nộp đủ).

Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm là 27.190.000đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí tố tụng (bị đơn đã nộp đủ).

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.285.661đ.

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 161, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thái C.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim H.

- Buộc ông Nguyễn Thái C có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim H số tiền 432.141.514đ (bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm mười bốn đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim H tự nguyện chịu 2.196.800đ (hai triệu một trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng) (ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim H đã nộp đủ).

- Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Ông Nguyễn Thái C phải chịu chi phí tố tụng là 27.190.000đ (hai mươi bảy triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) (ông Nguyễn Thái C đã nộp đủ).

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Thái C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.285.661đ (hai mươi mốt triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi mốt đồng).

+ Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim H được nhận lại 22.200.000đ (hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009806 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thái C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Thái C được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0010442 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ